

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST

Ngày 23 tháng 10 năm 2019

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Bình.
2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 10 và ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 82/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu N, sinh năm: 1986.

Địa chỉ cư trú: ấp Long H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm: 1987.

Địa chỉ cư trú: ấp Phú H, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Thu N trình bày: Chị N và anh Trần Văn H sau khi có mai mối và thống nhất về tình cảm, nên quyết định đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang vào ngày 16 tháng 8 năm 2007, sau khi kết hôn Chị với anh H sống bên gia đình cha, mẹ ruột anh H (tại ấp Phú H, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp). Thời gian đầu chị N với anh H sống hạnh phúc và có 01 người con chung tên Trần Thị Thúy V, sinh ngày 07-7-2008, đến tháng 10 năm 2008 thì chị N với anh H phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan

điểm trong cuộc sống, và từ đó bắt đầu ly thân, chị N cùng con gái (Thúy V) về nhà cha mẹ ruột sống ở tại ấp Long H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang cho đến nay đã hơn 11 năm, còn anh H tiếp tục sống với cha, mẹ ruột tại ấp Phú H, xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, trong thời gian ly thân hai bên không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị N xin được tiếp tục nuôi dưỡng, vì từ khi ly thân với anh H thì cháu Thúy V sống với chị N đến nay, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Trong quá trình tố tụng của vụ án, thì từ khi thụ lý đến nay Tòa án không làm việc được với anh Trần Văn H, tuy nhiên về Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng tiếp theo của Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho người thân của anh H là chị Trần Thị N (em ruột anh H) đang cùng chung hộ khẩu và sống chung gia đình với anh H, và chị N báo rằng đã giao lại đầy đủ cho anh H các thủ tục tố tụng của Tòa án, ngoài ra chị N cho biết thêm chị N với anh H đã ly thân và không còn liên lạc nhau trên 10 năm.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện H sau phân phân tích nội dung vụ án, nhận thấy:

- Về hôn nhân: Xét chị N và anh H cưới nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn do chị N và anh H bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt. Tuy nhiên, chị N đã cố gắng chịu đựng để bảo vệ hạnh phúc nhưng do mâu thuẫn quá lớn nên chị không thể tiếp tục sống cùng anh H. Vì vậy, đến ngày 10/07/2008 chị N đã dẫn con gái Thúy V về nhà cha mẹ ruột sinh sống; Kể từ khi chị N và anh H sống ly thân thì giữa hai người không gặp nhau hàn gắn, không còn quan tâm, lo lắng cho nhau. Hơn nữa, kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa hôm nay anh H không dự các phiên họp, hòa giải, không cung cấp ý kiến của anh về vấn đề chị N ly hôn anh, cũng như vấn đề nuôi dưỡng con chung trong khi chị N là em gái của anh H khẳng định giữa anh và gia đình vẫn giữ liên lạc với nhau bằng điện thoại, đồng thời tất cả giấy tờ mà Tòa án tổng đạt thì chị đều nhận thay và thông báo cho anh H biết nhưng anh vẫn không có sự phản hồi. Điều đó chứng tỏ anh H không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Thúy V sinh ngày 07/07/2008, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Xét thấy, khi chị N về nhà cha mẹ ruột vào ngày 10/7/2008, khi đi chị dẫn con chung Thúy V theo và kể từ đó cháu V đã sống cùng chị N cho đến nay. Thiết nghĩ môi trường sống của cháu V đã ổn định và thuận lợi cho sự phát triển của cháu. Bên cạnh đó, cháu V là con gái nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục giao cho chị N là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung là Trần Thị Thúy V cho chị N nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N đã được giải thích về quyền và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng do chị N tự nguyện không yêu cầu, nên anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về nợ tài sản và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

* Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn cư trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Trần Văn H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú L, huyện P, tỉnh An Giang vào ngày 16 tháng 8 năm 2007 nên quan hệ hôn nhân của chị Trần Thị Thu N với anh Trần Văn H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị N trình bày là thời gian đầu sống hạnh phúc và có với nhau một người con tên Trần Thị Thúy V, sinh ngày 07-7-2008, đến tháng 10-2008 thì giữa chị N với anh H phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, mà bắt đầu là do lỗi của anh H trong cư xử không tế nhị với vợ, thiếu sự chăm lo gia đình, trong khi đó chị N đã hết lời khuyên răn nhưng không sửa đổi, sau đó chị N cùng con (Thúy V) bỏ về gia đình cha, mẹ ruột sống tại ấp Long H, xã P, huyện P, tỉnh An Giang, nên chị N ly thân với anh H kể từ đó, tính đến nay đã trên 11 năm. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, nên xin được ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử, nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án không làm việc được với anh H, nên chưa biết ý kiến của anh H như thế nào, tuy nhiên thấy rằng anh H vẫn biết là chị N gửi đơn đến Tòa án xin ly hôn với anh H (qua việc tổng đạt thủ tục tố tụng cho chị Trần Thị N (em ruột anh H)), nhưng anh H không có ý kiến, như vậy có thể nói là đồng nghĩa với việc anh H đã đồng ý ly hôn với chị N, điều này phù hợp

với nguyện vọng của chị N vì đã ly thân nhau trên 11 năm mà anh H không thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng, và trong quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải, nhưng anh H không đến, đặc biệt là 02 lần triệu tập xét xử nhưng anh H vẫn không có mặt, nay chị N kiên quyết xin ly hôn, điều đó chứng tỏ rằng chị N đã không còn tình cảm vợ chồng với anh H. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa chị N với anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh H.

- Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Mặc dù không có ý kiến của anh H, nhưng theo chị N trình bày là giữa chị với anh H có với nhau 01 con chung tên Trần Thị Thúy V, sinh ngày 07-7-2008 (phù hợp với giấy khai sinh đã cấp cho cháu V có tên cha Trần Văn H, tên mẹ Trần Thị Thu N) và kể từ khi chị N ly thân với anh H (tháng 10-2008) đến nay thì cháu V sống với chị N. Nay chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu của chị N là tự nguyện phù hợp với pháp luật, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V tại bản khai ngày 26-7-2019 “*Con muốn ở với mẹ Trần Thị Thu N*”, nên chấp nhận.

- Về tài sản, nợ chung: Chị N không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí. Thì chị N là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BH/2018/0000845 ngày 14-6-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Anh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 91, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Trần Thị Thu N được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Chị Trần Thị Thu N được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Trần Thị Thúy V, sinh ngày 07-7-2008 (hiện đang sống với chị N và theo nguyện vọng của cháu V tại bản khai 26-7-2019 “*Con muốn ở với mẹ Trần Thị Thu N*”; Anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Trần Văn H chưa phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Trần Thị Thu N chưa yêu cầu.

4. Về tài sản, nợ chung: Chị Trần Thị Thu N không yêu cầu, nên không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Trần Thị Thu N là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm do chị Trần Thị Thu N đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BH/2018/0000845 ngày 14-6-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị Trần Thị Thu N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

- Anh Trần Văn H không phải nộp án phí sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu N có quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 23-10-2019). Riêng bị đơn anh Trần Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án theo quy định.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện H;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Phú L, huyện P, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách